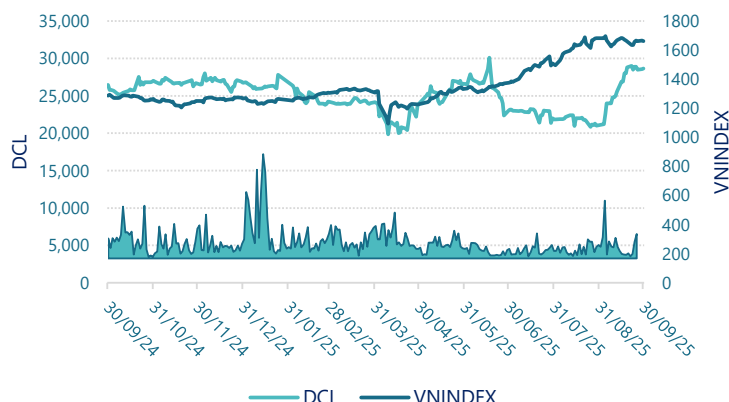


CTCP Dược phẩm Cửu Long (HSX: DCL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	28,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,850
SL cổ phiếu LH	73,041,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)	679,615
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,093
P/E	60.2
EPS	476

DT thuần

Q3/25

286

tỷ VNĐ

QoQ: ▼37.0| -11.5%

YoY: ▲ 50.0| 21.1%

LN sau thuế

Q3/25

-5.79

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.72| -88.7%

YoY: ▼7.35| -471%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.7%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

9T 2025

949

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 152| 19.1%

LN sau thuế

9T 2025

16.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.8| -53.5%

ROE

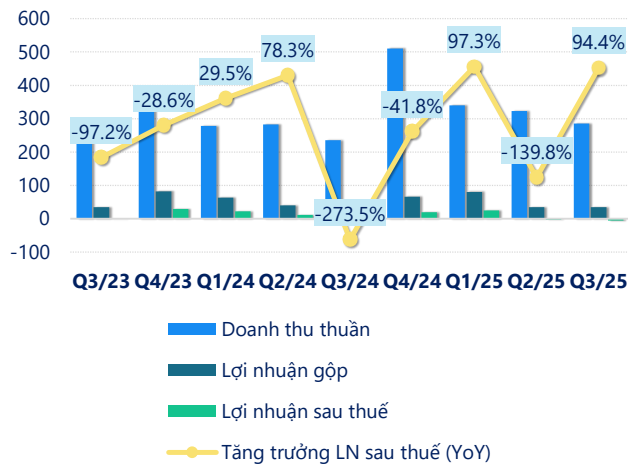
Q3/25

2.3%

+/- YoY: ▼ 2.1%

tỷ VNĐ

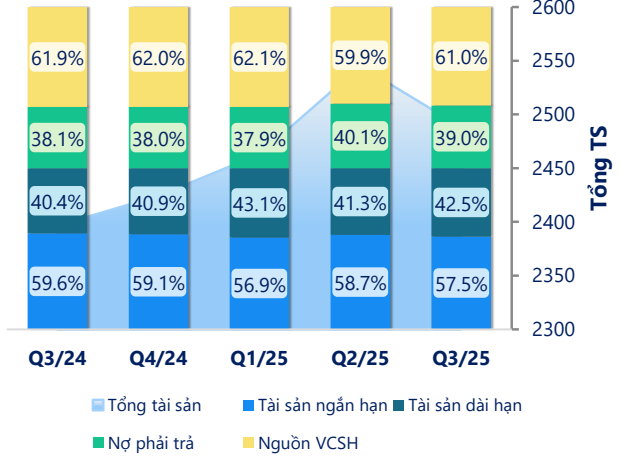
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

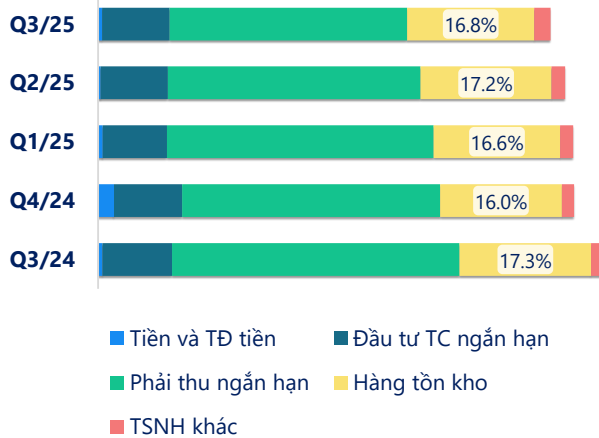
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



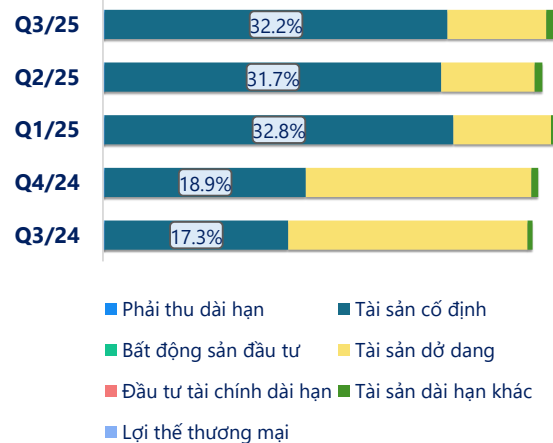
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

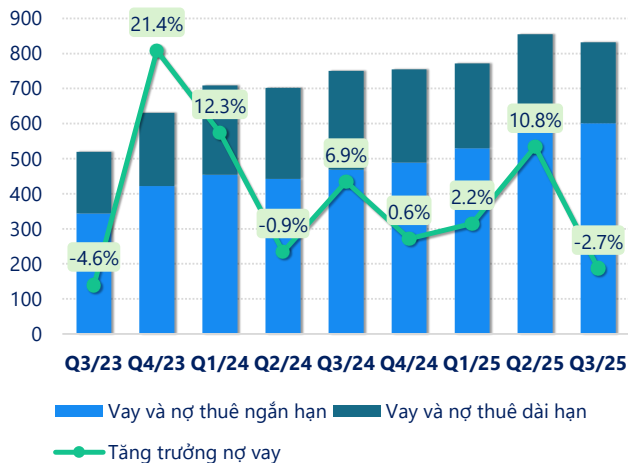
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

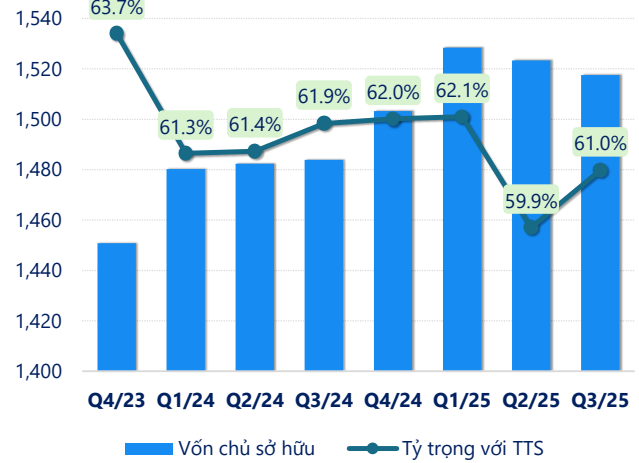
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

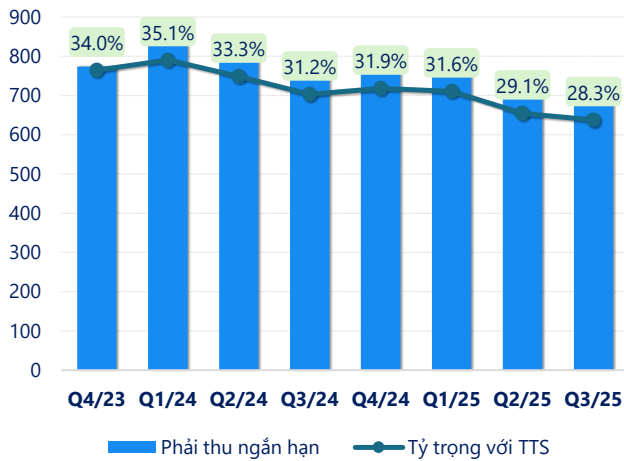
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



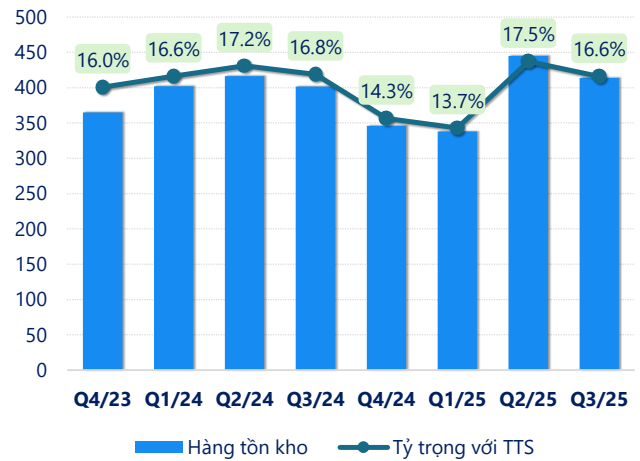
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


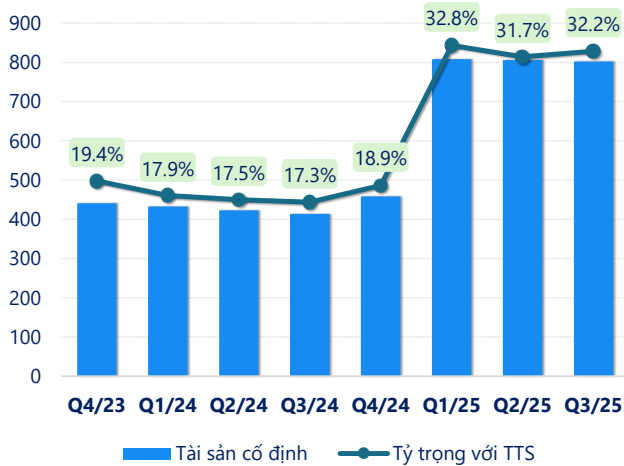
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


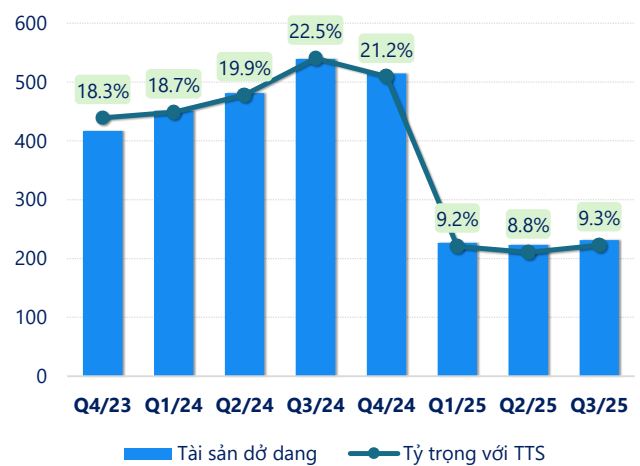
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

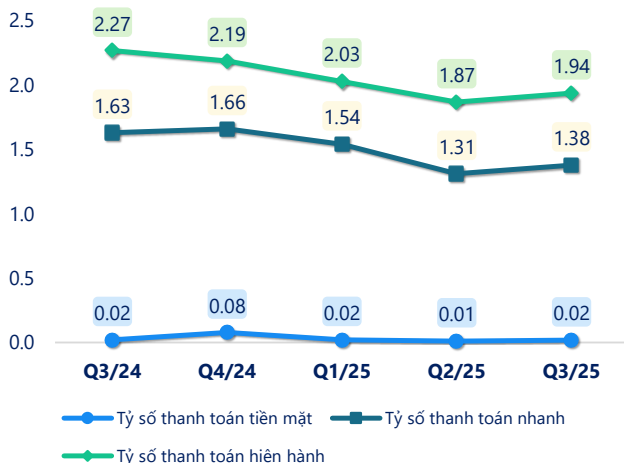
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

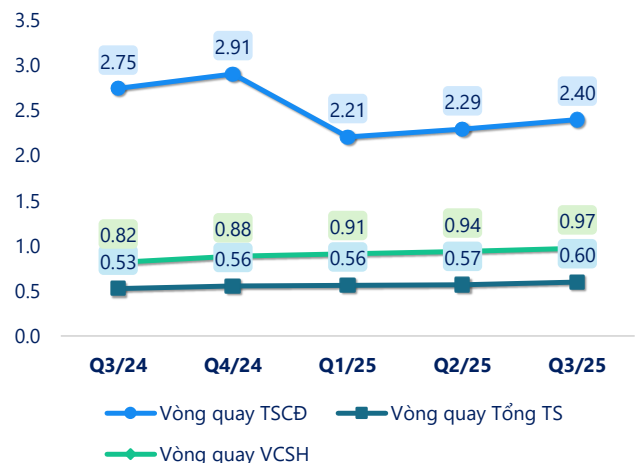
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,397	2,424	2,463	2,545	2,488
Tài sản ngắn hạn	1,429	1,432	1,403	1,493	1,432
Tiền và tương đương tiền	13.1	51.1	14.7	8.51	12.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	214	215	222	242	242
Phải thu ngắn hạn	749	774	778	741	705
Hàng tồn kho	402	346	338	445	414
Tài sản ngắn hạn khác	51.4	46.8	50.1	57.5	58.2
Tài sản dài hạn	968	992	1,060	1,052	1,056
Phải thu dài hạn	3.79	3.79	3.71	3.98	3.98
Tài sản cố định	413	458	808	806	802
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	539	514	226	223	231
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.4	15.7	22.5	18.7	19.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	913	921	935	1,022	971
Nợ ngắn hạn	630	655	692	800	740
Vay và nợ thuê ngắn hạn	468	489	530	633	601
Phải trả người bán ngắn hạn	69.2	105	113	124	89.7
Nợ dài hạn	282	266	243	222	231
Vay và nợ thuê dài hạn	282	266	242	222	231
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,484	1,503	1,528	1,523	1,517
Vốn chủ sở hữu	1,484	1,503	1,528	1,523	1,517
Vốn điều lệ	730	730	730	730	730
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)